

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP TIẾN ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP TIẾN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN ANH GENERAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109264794

3. Ngày thành lập: 13/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 118C, Tổ 23, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
10.	Bốc xếp hàng hóa	5224
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229

13.	In ấn	1811
14.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
15.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
16.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
17.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
18.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
21.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
25.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
26.	Điều hành tua du lịch Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ lữ hành: - Kinh Doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh Doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
28.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
29.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

32.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
33.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
38.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
40.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
41.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
42.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
43.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ kinh doanh được phẩm)	4649
48.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

58.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
61.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
62.	Phá dỡ	4311
63.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4312
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
68.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Quảng cáo	7310
73.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4511
75.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
77.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
79.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
80.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
81.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
82.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
83.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
84.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
85.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
86.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
87.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN QUYẾT TIẾN	Tổ 18, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001082022351	
2	NGUYỄN TUẤN ANH	Tổ 23, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001090021829	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/10/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090021829

Ngày cấp: 28/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 23, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 23, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội